

海滩 · 中英闪卡

English · 中文 · 拼音 · 8 cards



sand

沙子

shāzi



sea

海

hǎi



shell

贝壳

bèiké



starfish

海星

hǎixīng



bucket

桶

tǒng



spade

铲子

chǎnzi



towel

毛巾

máojīn



sunglasses

太阳镜

tàiyángjìng